

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chương I. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự kết hợp logic rút ra từ triết học Mác-Lenin và Kinh tế - chính trị Mác – Lênin, là sự hoàn tất của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Từ triết học Mác-Lenin và Kinh tế - chính trị Mác – Lênin là cơ sở lí luận và phương pháp luận cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đối tượng nghiên cứu:

- Những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội
- Những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Phương pháp nghiên cứu:

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin.

- Phương pháp kết hợp lịch sử và logic.
- Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Phương pháp so sánh.

...

Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở nước Anh và bắt đầu chuyển sang nước Pháp, Đức làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới, đó là nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp phát triển đã làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc.

Đây chính là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp, sự ra đời hai giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản (giai cấp công nhân). Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

→ Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiên bộ - Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

Tiền đề khoa học tự nhiên:

- Học thuyết Tiến hóa, Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, Học thuyết tế bào.
- Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

Tiền đề tư tưởng lý luận:

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Ph.Hêghen (1770 -1831) và L. Phoiơbắc (1804 - 1872); kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A.Smith (1723-1790) và D.Ricardo (1772-1823); chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanh Ximông (1760-1825), S.Phuriê (1772-1837) và R.Oen (1771-1858).

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định. Tuy nhiên, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán còn không ít những hạn chế. Chính vì những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng - phê phán. Song vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng - lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, loại bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Về mặt lý luận:

- + Góp phần hoàn thiện chủ nghĩa Mác- Lênin
- + Định hướng nghiên cứu các môn khoa học xã hội
- + Chỉ ra điều kiện và khả năng thực tế để giải phóng loài người khỏi ách thống trị của chủ nghĩa tư bản.

- Về mặt thực tiễn: Chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành, phát triển. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

Những giá trị và hạn chế lịch sử của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác.

- Giá trị:
 - Phê phán gay gắt chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa bất công.
 - Nêu lên những luận điểm có giá trị về sự phát triển của xã hội tương lai. Chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa, phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa lên một trình độ mới.
 - Thức tỉnh phong trào công nhân, nhân dân lao động và mang giá trị nhân đạo sâu sắc.
- Hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng:
 - Chưa phát hiện được quy luật vận động và phát triển xã hội loài người nói chung và bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng.
 - Không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản – đó là giai cấp công nhân.
 - Không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội cũ áp bức bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam với sự vận dụng sáng tạo và phát triển CNXH khoa học

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đây là quy luật của CM Việt Nam trong điều kiện thời đại ngày nay
- Đổi mới kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với đổi mới chính trị
- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, tăng cường vai trò quản lý của nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng và phát triển phải đi đôi với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc
- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc
- Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới

Chương II: Sứ Mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

I. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lê nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

1. Quan niệm về giai cấp công nhân

Mác và Ăngghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân như là thuật ngữ giai cấp vô sản, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp,...

Tóm gọn các ý chính:

- Giai cấp công nhân hiện đại là sản phẩm của nền đại công nghiệp
- Giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại

Giai cấp công nhân được xác định trên 2 phương diện cơ bản như sau:

- Về phương thức lao động: Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa này càng cao do vậy họ đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến
 - Về địa vị của họ trong quan hệ sản xuất:
 - + Trong quan hệ sản xuất TBCN: giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống và bị bóc lột giá trị thặng dư, do vậy họ trở thành lực lượng đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản
 - + Trong quan hệ sản xuất CNXH: giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động làm chủ tư liệu sản xuất, họ trở thành giai cấp cầm quyền nên họ làm chủ quá trình sản xuất tạo ra của cải cho xã hội
- ⇒ Khái niệm: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, là lực lượng sản xuất cơ bản tiên tiến, **trực tiếp hoặc gián tiếp** tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội vì lợi ích của mình; là lực lượng chủ yếu xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công; xây dựng chế độ xã hội mới tốt đẹp - xã hội xã hội chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ CNTB lên CNXH.

- ⇒ Ở các nước TBCN giai cấp công nhân là những người lao động không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản, bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư
- ⇒ Ở các nước XHCN giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

Cái khả biến trong lý luận về công nhân và giai cấp công nhân:

- Vấn đề sở hữu và tư hữu: Nếu người VS ở TK 19 không có một chút sở hữu về TLSX thì nay CN đã trở thành người đồng sở hữu và có ít nhiều sở hữu về TLSX, TL sinh hoạt... đặc biệt một số công nhân đã có tay nghề và trình độ
- Ngày nay chỉ còn người CN mà không còn người VS, nếu còn người VS là do số ít lười LD, trở thành “VS lưu manh” còn rơi rớt từ XH trước
- Ngày nay KHKT phát triển, từ đó 1 số CN có tay nghề đã có sở hữu và trí tuệ (điều mà CN ngày xưa không có) nó cho phép người sở hữu làm ra lợi nhuận gấp nhiều lần người sở hữu TLSX vật chất
- Với quá trình cổ phần hóa GCCN thì công nhân đã trở thành người tư hữu lớn hoặc nhỏ, tuy vậy họ vẫn nằm trong giai cấp làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư
- Quá trình toàn cầu hóa làm cho bóc lột mang tính chất toàn cầu
- Lao động trong khu vực dịch vụ tăng lên và chiếm tỷ trọng ngày càng cao
- Việc bóc lột giá trị thặng dư có nhiều yếu tố mới và được phân chia thành nhiều thành phần khác nhau theo các tỷ lệ khác nhau

2. Đặc điểm của giai cấp công nhân với tư cách là một giai cấp cách mạng có sứ mệnh lịch sử

- Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính xã hội hoá
- Là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất hiện đại

- Là 1 giai cấp cách mạng có tinh thần cách mạng triệt để với những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và đoàn kết

Tại sao trí thức không phải là một giai cấp ?

- Không thuần nhất, hỗn tạp và phân hóa thành nhiều thành phần khác nhau
- Không có hệ tư tưởng chính trị
- Không có tư liệu sản xuất (không rõ ràng)

3. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- 1 giai cấp có sứ mệnh lịch sử phải là giai cấp:
 - + Giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại
 - + Đại diện cho khuynh hướng tiến bộ của thời đại
 - + Có đông đảo về số lượng, chất lượng để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình
- Sứ mệnh lịch sử: Là sứ mệnh của 1 giai cấp hoặc liên minh giai cấp nhằm lật đổ chế độ xã hội cũ lạc hậu và thay bằng 1 xã hội mới tiến bộ hơn -> Ở mỗi thời kỳ lịch sử sẽ có 1 giai cấp đảm trách nhiệm vụ đó
- Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong.
- **GCCN có sứ mệnh lịch sử là:**
 - + Xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người
 - + Giải phóng GCCN, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu
 - + Xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản văn minh trên phạm vi toàn thế giới.
- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thực hiện trên 2 giai đoạn:
 - + GĐ1: GCCN thông qua chính Đảng của mình tiến hành một cuộc đấu tranh giành chính quyền về tay mình, thiết lập chuyên chính vô sản

+ GDD2: GCCN liên minh với nhân dân lao động để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản

⇒ Hai GD trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó GD2 là quan trọng để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN được thể hiện toàn diện, cụ thể trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội:

a. Nội dung kinh tế:

Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân của tư liệu sản xuất, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng với nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội.

b. Nội dung chính trị-xã hội

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để **lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị**, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, **giành quyền lực** về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. **Thiết lập nhà nước kiểu mới**, mang bản chất giai cấp công nhân, **xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

c. Về văn hóa-tư tưởng

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng **cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới nhân đạo, và ý thức kỷ luật** trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: yêu lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng, tự do. GCCN thực hiện cuộc cách mạng về văn hoá tư tưởng (thực hiện 1 XH mới nhân đạo, hình thành ý thức và kỷ luật XH trên mọi mặt XH).

⇒ Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp CN bao gồm 4 sự nghiệp giải phóng đó là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, người lao động và con người

4. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân

a. Địa vị Kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản

- Giai cấp nông dân không đại diện cho một phương thức sản xuất tiên bộ nào trong lịch sử, họ cũng không có hệ tư tưởng tiên tiến độc lập vì vậy họ không thể lãnh đạo được cuộc cách mạng mới.
- Tầng lớp trí thức là một tầng lớp phục vụ cho giai cấp thống trị trong xã hội nên học cũng không thể lãnh đạo được cuộc cách mạng mới.
- Giai cấp tiểu tư sản họ gắn với chế độ tư hữu nên cũng không thể làm cuộc cách mạng xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa để xây dựng xã hội tiên bộ hơn
- Giai cấp công nhân:
 - + GCCN: ra đời và phát triển gắn liền với nền đại công nghiệp TBCN, do đó họ đại diện cho lực lượng sản xuất có trình độ xã hội hóa ngày càng cao => đại diện cho phương thức sản xuất tiên bộ.
 - + GCCN không có tư liệu sản xuất phải bán sức lao động cho nhà tư bản nên họ bị giai cấp tư bản áp bức bóc lột giá trị thặng dư vì vậy họ có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản.
 - + GCCN có lợi ích thống nhất với lợi ích của đa số nhân dân lao động.
 - + Điều kiện làm việc, điều kiện sống đã tạo cho công nhân có sự đoàn kết chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

b. Những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

- Giai cấp CN là giai cấp tiên phong cách mạng:
 - + GCCN đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến: phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa gắn liền với nền khoa học công nghệ hiện đại
 - + GCCN được trang bị hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại ngày nay là tư tưởng Mác Lênin
 - + GCCN luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng theo mục tiêu xóa bỏ áp bức bóc lột xây dựng xã hội mới tiên bộ.
- Giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất:
 - + GCCN bị giai cấp tư sản áp bức bóc lột nặng nề nên có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản.
 - + GCCN có mục tiêu xóa bỏ CNTB và xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người.

- + GCCN không chỉ mong giải phóng họ mà còn giải phóng toàn bộ loài người, đảm bảo cho mọi người đc phát triển toàn diện
 - + GCCN không gắn với tư hữu nên họ kiên định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống chế độ áp bức bóc lột, xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Là giai cấp không có TLSX, không có gì để mất nếu thắng sẽ mất xiềng xích, nếu thua sẽ trở về xiềng xích cũ (Nông dân còn cái để mất, trí thức sợ và ngại đấu tranh)
 - + Tính triệt để cách mạng của giai cấp công nhân còn được thể hiện trong tiến trình cách mạng không ngừng cho tới khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.
 - Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao:
 - + Do yêu cầu của nền sản xuất đại công nghiệp: nền sản xuất mang tính chất dây chuyền và nhịp độ làm việc khẩn trương buộc giai cấp công nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động
 - + Do điều kiện sống trong các khu đô thị, các khu công nghiệp tập trung
 - + Do yêu cầu của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, lực lượng có bộ máy bạo lực trong tay, có nhiều “kinh nghiệm” chống phá các phong trào công nhân nên đòi hỏi giai cấp công nhân phải tuân thủ tính nghiêm ngặt, kỷ luật, nhất là khi giai cấp công nhân được sự giác ngộ chủ nghĩa Mác Lênin tổ chức ra Đảng Cộng Sản thì ý thức tổ chức kỷ luật càng được nâng lên
 - Giai cấp công nhân là giai cấp có bản chất quốc tế:
 - + GCCN ở các nước đều là đối tượng bị giai cấp tư sản áp bức bóc lột nên họ liên minh với nhau để chống kẻ thù chung là giai cấp tư sản
 - + Dân chủ tư sản là một lực lượng quốc tế, bóc lột GCCN ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa và ở các nước thuộc địa và phụ thuộc nên GCCN cũng phải là lực lượng quốc tế
- ⇒ Do địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã quy định giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo nhân dân lao động thực hiện lật đổ chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để xây dựng chế độ xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không còn áp bức, bóc lột, bất công.

5. Những nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử

a. Bản thân giai cấp công nhân:

- GCCN hiện nay trưởng thành cả về chất lượng và số lượng
- Đạt tới trình độ giác ngộ về lợi ích, về vai trò lịch sử của mình
- Giữ vững và tăng cường sự đoàn kết trong phong trào công nhân
- Tổ chức đội tiên phong của mình thành một chính đảng đó là Đảng Cộng Sản
- Thực hiện được sự liên minh với các giai cấp, tầng lớp lao động khác

b. Thành lập đảng chính trị của giai cấp công nhân (Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất)

• **Tính tất yếu thành lập Đảng chính trị**

- Sự thâm nhập của CN Mác - Lênin vào phong trào công nhân tất yếu dẫn đến sự ra đời đảng của GCCN.
- Trong cuộc đấu tranh giai cấp, giai cấp nào muốn giành thắng lợi tất yếu thì phải tổ chức ra đảng chính trị để lãnh đạo cuộc đấu tranh
- GCCN muốn giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản thì phải thành lập chính đảng của mình

• **Quy luật ra đời của Đảng Cộng Sản**

- Quy luật chung phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng Sản đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học (tức chủ nghĩa Mác Lê nin) với phong trào công nhân. Trong chủ nghĩa tư bản khi công nhân mới ra đời do bị áp bức nên họ đã đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, cuộc đấu tranh đó ngày càng phát triển, tuy nhiên nó mới chỉ dừng lại ở đấu tranh tự phát. Các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân trong lịch sử:

+ Sớm nhất nhưng thô sơ và ít hiệu quả nhất: phạm tội trộm cắp (đơn thương độc mã chống lại xã hội)

+ Đập phá máy móc

+ Tổ chức các hiệp hội vì quyền lợi CN do CN tự trả lương (Cố gắng đó không thể thay đổi được quy luật kinh tế theo đó tiền công là quan hệ cung cầu trên thị trường quyết định)

- + Bãi công
- + Đấu tranh kinh tế
- + Đấu tranh chính trị
- Mục tiêu đấu tranh chỉ đòi quyền lợi về kinh tế. GCCN không hiểu về sứ mệnh lịch sử của mình là đấu tranh lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa giải phóng giai cấp mình cùng toàn thể nhân dân lao động khỏi mọi ác bức bóc lột
- Muốn làm cho công nhân nhận thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình thì phải làm cho họ thấm nhuần chủ nghĩa Mác (Chủ nghĩa xã hội khoa học) học thuyết bàn về sứ mệnh lịch sử củ giai cấp công nhân. Khi chủ nghĩa Mác ra đời chỉ có một bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân tiếp thu được nó. Bộ phận này đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân, giáo dục, giác ngộ, tổ chức công nhân đấu tranh. Đảng Cộng Sản ra đời từ quá trình hoạt động cụ thể ấy. Mặt khác thông qua phong trào công nhân chủ nghĩa Mác được kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển ngày càng hoàn thiện.
- ⇒ Đảng của giai cấp công nhân chính là sản phẩm kết hợp giữ phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác
- ⇒ Ở mỗi nước sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử được thể hiện bằng những con đường khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thời gian, không gian cụ thể
- **Quy luật hình thành Đảng cộng sản Việt Nam**
 - Theo quan điểm của Lênin:
Đảng Cộng sản = CN Mác + Phong trào công nhân
 - Ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa
Đảng Cộng sản = CN Mác + Phong trào công nhân + Phong trào yêu nước
 - Ở Việt Nam:
Đảng Cộng sản = CN Mác - Lênin + Phong trào công nhân + Phong trào yêu nước
 - Phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX-XX phát triển mạnh mẽ nhưng đều thất bại và đi vào bế tắc về đường lối.
 - Phong trào công nhân Việt Nam từ 1920-1930 ngày càng phát triển. Tuy nhiên những cuộc đấu tranh đều mang tính tự phát đòi hỏi phải có lý luận cách mạng khoa học dẫn đường
 - Đầu thế kỷ XX: Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam đáp ứng những yêu cầu trên. Như vậy sự phát triển của phong trào yêu nước, phong trào công nhân và sự truyền bá chủ nghĩa

Mác vào Việt Nam đã dẫn đến việc ra đời tổ chức chính trị lãnh đạo cách mạng Việt Nam đó là Đảng cộng sản Việt Nam (1930)

- **Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc**

- Giữa ĐCS và giai cấp công nhân có mối quan hệ thống nhất hữu cơ không thể tách rời
- ĐCS là tổ chức chính trị cao nhất của GCCN, đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của GCCN và toàn thể nhân dân lao động.
- GCCN là nguồn bổ sung lực lượng cho ĐCS
- Đảng có vai trò là nhân tố có ý nghĩa quyết định để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.
 - + Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân
 - + Đảng là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân
 - + Đảng là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân.

⇒ Như vậy Đảng ra đời làm cho phong trào công nhân phát triển từ tự phát sang tự giác.

⇒ Đảng là nhân tố đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành thắng lợi, sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình

c. Sự liên minh giữa GCCN với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động: là một điều kiện quan trọng, không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của công nhân.

II. **Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân hiện nay.**

1. **Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay:**

a. **Giai cấp công nhân hiện nay:**

- Những điểm tương đồng với giai cấp công nhân thế kỷ XIX
- GCCN đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại
- Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư
- Phong trào công nhân vẫn luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội

=> *Lý luận về SMLS của GCCN trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của GCCN, phong trào CN và quần chúng LĐ, chống CNTB và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.*

- Những biến đổi khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại.
- Giai cấp công nhân có xu hướng trí tuệ hóa gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức.
- Giai cấp công nhân hiện đại tăng nhanh về số lượng, thay đổi mạnh về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại.
- Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng: một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu thông qua chế độ cổ phần hóa. Nhưng thực chất chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ và phân chia lợi nhuận vẫn bị phụ thuộc cổ đông lớn. Việc làm và lao động vẫn là nhân tố quyết định thu nhập, đời sống của công nhân hiện đại. Giai cấp tư sản vẫn quyết định quá trình sản xuất và cơ chế phân phối lợi nhuận. Giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề bởi các chủ thể mới trong toàn cầu hóa
- Ở các nước XHCN giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền.

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

a. Về kinh tế - xã hội

SMLS của GCCN đối với sự phát triển của XH ngày càng được thể hiện rõ thông qua:

- + Vai trò trong quá trình sx gắn với nền công nghiệp hiện đại
- + Vai trò chủ thể của GCCN trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ XH và CNXH
- + Mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa GCCN và GCTS ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu

b. Về chính trị - xã hội

- Ở các nước tư bản thì
- Mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân là chống bất công và bất bình đẳng xã hội

- Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- Ở các nước chủ nghĩa xã hội
- GCCN lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

c. Văn hóa tư tưởng

- Đó là cuộc đấu tranh giữa ý thức hệ giá trị của giai cấp công nhân với hệ giá trị của giai cấp tư sản, đấu tranh tư tưởng lí luận giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội, đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhân thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:

- Khái niệm:

“Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.:

- Sự ra đời:

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời vào đầu thế kỷ XX, gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

- Có những phẩm chất chung của GCCN thế giới: đại diện cho các phương thức sản xuất tiên tiến, sống tập trung ở các trung tâm kinh tế, có ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết cao, có tinh thần cách mạng triệt để
- GCCN có những đặc điểm riêng:
 - Thứ nhất: ra đời trong một nước thuộc địa nửa phong kiến và phải chịu 3 tầng áp bức (phong kiến, thực dân, tư sản) -> GCCN phát triển chậm. Khi ra đời, trình độ khoa học kỹ thuật, tay

nghề và mức sống còn thấp, vì Việt Nam lúc đó là một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa có nền công nghiệp hiện đại.

- Thứ hai: phần lớn xuất thân từ nông dân nghèo ra đô thị, vào các đồn điền, xưởng máy nhỏ, ... làm thuê cho chủ tư sản xâm lược -> điều này tạo cơ sở thuận lợi cho việc hình thành khối liên minh công nông
- Thứ ba: GCCN Việt Nam ra đời trước GCTS Việt Nam, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng
- Thứ tư: Giai cấp công nhân Việt Nam sớm được giác ngộ cách mạng và thành lập Đảng tiên phong do Hồ Chí Minh - Người đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và Đông Dương - sáng lập và rèn luyện. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng của nó.
- Thứ năm: Có truyền thống lao động cần cù, yêu nước nồng nàn, gắn bó mật thiết với dân tộc, nhất là nông dân và các tầng lớp lao động. Đây là điều kiện thuận lợi để xây dựng khối liên minh công, nông, trí làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết dân tộc.

Biến đổi ngày nay:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế, trong đó đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo
- Công nhân nắm tri thức, nắm vững khoa học công nghệ tiên tiến được đào tạo theo chuẩn nghề nghiệp

(Tuy nhiên không được kỳ vọng nhiều vì mới hơn 30 năm và ta bước ra từ nền nông nghiệp lạc hậu và thua rất xa GCCN trên thế giới)

- Sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo trong nội bộ ngày càng sâu sắc, ảnh hưởng đến sự thống nhất, đoàn kết của giai cấp công nhân

2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng

- Trước CMT8: GCCN Việt Nam ra đời từng bước trưởng thành có Đảng Cộng sản từ đó giai cấp công nhân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ĐCS thực hiện thành công cuộc CMT8 thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
- Sau CMT8:
 - GD 1946-1975: Dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam GCCN đã đấu tranh chống xâm lược và thống nhất đất nước
 - GD 1975- nay: GCCN Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân tiến hành đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc VN xã hội chủ nghĩa

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam tiếp tục đảm đương sứ mệnh lịch sử lớn lao, không chỉ tiếp tục là giai cấp lãnh đạo cách mạng mà còn là lực lượng tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp đổi mới.

- Nội dung kinh tế:

+ Là nguồn lực chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại định hướng XHCN

+ Là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH => đây là vấn đề nổi bật nhất đối với việc thực hiện SMLS của GCCN Việt Nam hiện nay

+ Thực hiện SMLS của GCCN Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế gắn với việc phát huy vai trò, thực hiện khối liên minh công – nông – trí thức, tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn và nông dân

- Nội dung chính trị - xã hội:

+ Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

+ Giữ vững bản chất GCCN của đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên

+ Tăng cường xây dựng chính đồn đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

- Nội dung văn hóa tư tưởng: (trước hết là trọng trách lãnh đạo của Đảng)

+ Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới XHCN

Đặc điểm con người mới XHCN:

> Có ý thức kỷ luật cao

> Có ý thức lao động tập thể, giữ gìn của chung

> Muốn cống hiến nhiều hơn hưởng thụ

+ Đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của CN Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch

=> (Kẻ thù lớn nhất đời mình: chính mình)

4. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

4.1 Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay (đọc thêm)

4.2 Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay:

1. Nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
2. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.
3. Thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.
4. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân.
5. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của bản thân người công nhân

Chương III: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Khái niệm:

CNXH được hiểu theo 4 nghĩa:

- Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bóc lột, chống các giai cấp thống trị;
 - Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bóc lột, bất công;
 - Là một khoa học – CNXHKKH, lý luận khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
 - Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
- (*)

2. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

Sự thay thế và phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiên tiến với quan hệ sản xuất lỗi thời lạc hậu)

Các hình thái kinh tế - xã hội: nguyên thủy – chiếm hữu nô lệ – phong kiến – tư bản chủ nghĩa – cộng sản chủ nghĩa

Đánh giá về chủ nghĩa tư bản theo Mác, Ăng ghen:

- Chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn phát triển mới của nhân loại, nó có đóng góp lớn trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, có công rất lớn trong việc xóa bỏ chế độ cũ (chế độ phong kiến)
- Sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa tư bản là một tất yếu khách quan, là một bậc thang phát triển trong lịch sử xã hội loài người
- Tiêu cực: chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, chế độ người áp bức, bóc lột người, chiến tranh thế giới thứ 1,2
- Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã dẫn đến mâu thuẫn (mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn thuộc về bản chất)
 - + Về mặt kinh tế: lực lượng sản xuất có trình độ xã hội hóa ngày cao >< quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất
 - + Về mặt chính trị - xã hội: giai cấp công nhân, nhân dân lao động (giai cấp vô sản) >< giai cấp tư sản
- Điều kiện xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

- + Lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản phát triển đến mức độ nhất định mới mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa
- + Giai cấp công nhân trở nên đông đảo và mâu thuẫn gay gắt với giai cấp tư sản
- + Giai cấp công nhân giác ngộ cách mạng (lập trường, lí tưởng cộng sản, sứ mệnh lịch sử) và tổ chức được chính đảng cách mạng. Khi giai cấp công nhân giác ngộ được sứ mệnh lịch sử thì phong trào công nhân mới được chuyển từ phong trào đấu tranh tự phát sang phong trào đấu tranh tự giác. Công nhân phải tiếp thu được chủ nghĩa Mác thì mới giác ngộ được sứ mệnh lịch sử của mình.
- + Kiên quyết đấu tranh giành chính quyền từ giai cấp tư sản khi có thời cơ cách mạng
- > Cách mạng không tự diễn ra, chủ nghĩa tư bản không tự sụp đổ.

a. Sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

- Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen:
Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua 2 giai đoạn:
- Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản (sau này Lênin và các Đảng Cộng sản gọi là chủ nghĩa xã hội + thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội).
- - Giai đoạn cao của xã hội cộng sản (sau này Lênin và các Đảng Cộng sản gọi là cộng sản chủ nghĩa).
- Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ chính trị.



- Quan điểm của Lênin:
Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển qua các nấc thang sau:
 - Những cơn đau đẻ kéo dài (thời kỳ quá độ): xây dựng tiền đề cơ sở vật chất, tinh thần
 - Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản.
 - Giai đoạn cao của xã hội cộng sản.
- ➔ Như vậy, dù cách diễn đạt khác nhau nhưng điểm chung của các quan điểm trên đều thừa nhận chủ nghĩa xã hội là một trong hai giai đoạn cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, là giai đoạn thấp hơn giai đoạn cộng sản chủ nghĩa.

Tính tất yếu của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

b. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội:

Tóm tắt:

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất với trình độ xã hội hóa ngày càng cao
- Sự lớn mạnh, trưởng thành về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân

- **Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội từ các nước tư bản phát triển cao:**

- Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.
- Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất.
- Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời.
- Tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:
 - + Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.
 - + Tính tích cực chính trị của công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- **Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội từ các nước tư bản trung bình và các nước chưa qua tư bản chủ nghĩa:**

Lênin cho rằng: Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa xã hội vẫn có thể ra đời từ một quốc gia tư bản có trình độ phát triển trung bình, thậm chí chưa qua tư bản chủ nghĩa, song phải có các điều kiện sau đây:

- Thứ nhất, nhân loại đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, từ đó xuất hiện những mâu thuẫn cơ bản và gay gắt của thời đại mới:
 - + Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân
 - + Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc xâm lược với các quốc gia dân tộc bị xâm lược và bị áp bức.
 - + Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau.
 - + Mâu thuẫn giữa các nước giàu trong thế giới tư bản và các nước nghèo, lạc hậu do bị tụt hậu xa về kinh tế.

- Thứ hai, phải có sự tác động toàn cầu của phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế của hệ tư tưởng giai cấp công nhân. Đó là chủ nghĩa Mác – Lênin làm thức tỉnh phong trào dân tộc và phong trào yêu nước của các quốc gia bị áp bức đô hộ.
- Thứ ba, tất yếu hình thành các Đảng chính trị lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm hệ tư tưởng để lãnh đạo dân tộc đấu tranh giành độc lập, tự do.
- ➔ Các nước tư bản trung bình và các nước chưa qua tư bản chủ nghĩa vẫn nằm trong quy luật chung của lịch sử loài người. Đó là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.
- Phê phán hai quan điểm sai lầm:
 - Quan điểm cơ hội, hữu huynh: Các nước cứ tuần tự trải qua phát triển chủ nghĩa tư bản, phát triển đầy đủ rồi tự nó sẽ chuyển hóa thành cộng sản chủ nghĩa mà không cần làm cách mạng.
 - Quan điểm tả huynh: Bằng ý muốn chủ quan, giản đơn, duy ý chí, muốn có ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa, bất chấp những điều kiện khách quan và chủ quan chưa chín muồi.

c. **Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội** (thể hiện sự khác nhau về chất giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản)

Chủ nghĩa xã hội: danh từ; xã hội chủ nghĩa: tính từ

Các đặc trưng này chỉ thể hiện đầy đủ, toàn diện khi đã **hoàn thành thời kì quá độ** tiến lên chủ nghĩa xã hội (nói chung, Việt Nam có thể khác)

- Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.
- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.
- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.
- Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- Xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhất (còn nhiều hình thức phân phối khác). Chủ nghĩa xã hội đảm bảo cho mọi người có quyền bình đẳng trong lao động, sáng tạo và hưởng thụ. Mọi người có sức lao động đều có việc làm và được hưởng thụ theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động.

⇒ Những đặc trưng trên phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội nói lên tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp, lý tưởng, ước mơ của toàn thể nhân loại.

II. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Khái niệm thời kỳ quá độ:

- Thời kỳ quá độ là thời kỳ cải tạo cách mạng xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ khi giai cấp công nhân giành được chính quyền và kết thúc khi xây dựng xong các cơ sở của chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đó là cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.
- Quan điểm của Mác và Ăngghen:
 - Các ông cho rằng giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia, nó có các đặc điểm sau:
 - + Nó vẫn còn mang những dấu vết của xã hội cũ, đó là xã hội tư bản chủ nghĩa, dấu vết đó là dấu vết về kinh tế, đạo đức và tinh thần
 - + Công cụ để thực hiện việc cải biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.
 - + Thời kỳ này rất khó khăn phức tạp.
- Quan điểm của Lê-nin:
 - Ông cho rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan đối với mọi nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó có đặc điểm sau:
 - + Nó có sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.
 - + Sự phát triển của cái cũ, của những trật tự đôi khi lấn át những mầm mống của cái mới, những trật tự mới
 - + Thời kỳ này chứa đựng mâu thuẫn không thể dung hòa giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các giai cấp, tầng lớp tiểu tư sản.
 - + Một thời kỳ lâu dài, khó khăn, phức tạp và phải trải qua nhiều lần, nhiều khâu.

2. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

Các nước đi lên xã hội chủ nghĩa tất yếu phải trải qua thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

1. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản khác nhau về bản chất: (chủ nghĩa tư bản và phong kiến không khác nhau về chất mấy)

- Chủ nghĩa xã hội:

+ Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

+ Không còn tình trạng áp bức và bóc lột

+ Không còn đối kháng giai cấp

- Chủ nghĩa tư bản:

+ Chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất

+ Áp bức và bóc lột

+ Đối kháng giai cấp

-> Vì khác nhau về chất nên phải trải qua thời kì quá độ (quá độ là tất yếu)

2. Chủ nghĩa tư bản tạo ra cơ sở vật chất – kĩ thuật nhất định cho chủ nghĩa xã hội, nhưng để cơ sở vật chất – kĩ thuật đó phục vụ cho chủ nghĩa xã hội cần phải có thời gian tổ chức, sắp xếp lại (thời kì quá độ). Những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội, cần có một **thời gian dài** để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa để xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật cho xã hội chủ nghĩa. Thời kì quá độ sẽ dài hơn, khó khăn, phức tạp hơn.

3. Các quan hệ xã hội (có nhiều quan hệ nhưng đặc biệt quan hệ sản xuất – chế độ công hữu về tư liệu sản xuất) của chủ nghĩa xã hội không thể tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản, các quan hệ xã hội đó là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo chủ nghĩa xã hội (thời kì quá độ). Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản mới chỉ tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội (sự phát triển của lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ xã hội hóa cao)

4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công cuộc mới mẻ, khó khăn và phức tạp (sự chống phá của các thế lực thù địch), phải cần có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với công việc đó (công nhân trở thành người quản lí, trở thành giai cấp lãnh đạo xã hội).

*** Có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:**

1) Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển ở trình độ cao khi tiến lên XHCN, thời kỳ quá độ có thể tương đối ngắn. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra

2) Quá độ gián tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau, tốc độ và thời gian khác nhau. Với lợi thế của thời đại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các nước lạc hậu, sau khi giành được chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3. Đặc điểm nổi bật của thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại, đan xen, đấu tranh giữa cái mới (nhân tố của chủ nghĩa xã hội) và cái cũ (tàn dư của xã hội cũ) trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội).

- Trên lĩnh vực kinh tế: tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và cả thành phần kinh tế đối lập với kinh tế xã hội chủ nghĩa: cái mới – thành phần kinh tế nhà nước, thành phần kinh tế tập thể dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất phải giữ vai trò nền tảng, kinh tế nhà nước phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo, nắm những lĩnh vực then chốt của ngành kinh tế, dẫn dắt toàn bộ nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; cái cũ – còn tồn tại các thành phần kinh tế của xã hội cũ, có đấu tranh nhưng phải trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, còn có sự bóc lột và quan hệ bóc lột, kinh tế tư nhân là động lực của nền kinh tế.
- Trên lĩnh vực chính trị: Giai cấp công nhân tuy đã giành được chính quyền nhà nước nhưng vẫn còn non yếu, còn giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột cũ tuy mất chính quyền nhà nước nhưng vẫn còn sức mạng về nhiều mặt lại được sự trợ giúp của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Vì vậy phải thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp.
- Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa: còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Yếu tố tư tưởng, văn hóa cũ và mới chúng thường xuyên đấu tranh với nhau. Cái mới – hệ tư tưởng của giai cấp công nhân định hướng, chi phối, giữ vai trò nền tảng: chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cái cũ – phong tục tập quán cũ, lạc hậu, tư tưởng Nho giáo, tư tưởng của chế độ thực dân, đế quốc, ... Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Trên lĩnh vực xã hội: Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần qui định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp (giai cấp công nhân, giai cấp nông nhân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân và các bộ phận khác) và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội. Các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

4. Thực chất của thời kì quá độ

- Đó là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa một bên là giai cấp tư sản đã bị đánh bại và những thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội (phạm vi quốc tế, trong nước) với một bên là giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động đã giành được chính quyền.

- Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra:

+ Trong điều kiện mới: giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền nhà nước, quản lí mọi lĩnh vực đời sống xã hội (địa vị công nhân đã thay đổi)

+ Nội dung mới: Xây dựng thành công chế độ XHCN trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa trong đó việc xây dựng kinh tế XHCN là nhiệm vụ trọng tâm.

+ Hình thức, biện pháp mới: có bạo lực, không có bạo lực trong đó những biện pháp hòa bình là chủ yếu.

⇒ Đây là thời kì đặc biệt, chuẩn bị tiền đề về văn hóa, kinh tế xã hội cho chủ nghĩa xã hội.

5. Nội dung của thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội:

- Trong lĩnh vực kinh tế: đẩy mạnh lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (thực hiện đặc trưng nền sản xuất công nghiệp hiện đại, lực lượng sản xuất tiên tiến). Đối với các nước bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản trọng tâm là lĩnh vực kinh tế, phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như Việt Nam phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vì nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu.

- Trong lĩnh vực chính trị: đấu tranh chống các thế lực thù địch, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa thật sự vững mạnh (xây dựng và củng cố nhà nước, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản vững mạnh), xây dựng **nền dân chủ** xã hội chủ nghĩa.

- Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa: xây dựng tư tưởng khoa học và cách mạng (hệ tư tưởng của giai cấp công nhân phải giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội), xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

- Trong lĩnh vực xã hội: Khắc phục các tệ nạn xã hội (cái cũ – tham ô, tham nhũng, quan liêu, hách dịch,...), khắc phục sự chênh lệch giữa các vùng miền, tầng lớp dân cư, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người (bình đẳng, công bằng, dân chủ, văn minh).

III. CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

a. Tính tất yếu lịch sử

- Sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tự nhiên và trải qua một cách tuần tự các hình thức kinh tế xã hội kế tiếp nhau từ thấp đến cao nhưng đối với từng quốc gia cụ thể thì có thể bỏ qua một vài hình thái kinh tế xã hội để tiến lên hình thái kinh tế xã hội cao hơn.
- Việt Nam cũng tuân theo quy luật tất yếu đó là bỏ qua CNTB quá độ lên CNXH dựa vào những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể.
 - + VN là nước thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.
 - + Có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có khối liên minh giữa GCCN về các tầng lớp lao động khác, có chính quyền nhà nước của dân, do dân và vì dân được thành lập.
 - + Cách mạng khoa học và chủ nghĩa hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở các mức độ khác nhau trong đó có Việt Nam. Cuộc cách mạng khoa học giúp rút ngắn, Việt Nam từ một nước lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội
 - + Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ
 - + Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TB CN là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân ta.

b. Thực chất của con đường quá độ lên CNXH của Việt Nam

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập **vị trí thống trị** của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà **nhân loại** đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. -> đây là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài (Quan điểm đại hội 9 của Đảng – 2001)

2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

a. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam

- Cương lĩnh 1930 của Đảng đã chỉ rõ sau khi hoàn thành CM dân tộc dân chủ nhân dân sẽ tiến lên CNXH

- Đại hội IV (1976) Đảng cũng đã nhận thức về CNXH và con đường phát triển của CM nước ta mới dừng ở mức độ định hướng.
- Đại hội VII (1991) Đảng ta đã đưa ra các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội
- Đại hội XI đã tổng kết 25 năm đổi mới, Đảng ta đã tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các đặc trưng này (8 đặc trưng):
 - + Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
 - + Do nhân dân làm chủ
 - + Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
 - + Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
 - + Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
 - + Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.
 - + Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
 - + Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương pháp xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay

- Được đề ra trong Đại hội Đảng lần thứ XI đã bổ sung và phát triển năm 2011:
 - + Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
 - + Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (trọng tâm) (đại hội Đảng lần 9)
 - + Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
 - + Đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
 - + Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
 - + Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
 - + Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.
 - + Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Chương IV. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan niệm về dân chủ

a. Khái niệm và lịch sử vấn đề dân chủ

- Nghĩa gốc: Dân chủ là quyền lực của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân.
- Sự ra đời và phát triển của các nền dân chủ trong lịch sử:

“Dân chủ nguyên thủy” (chưa có nền dân chủ) -> dân chủ chủ nô -> chuyên chế phong kiến (không có nền dân chủ) -> dân chủ tư sản -> dân chủ vô sản (dân chủ xã hội chủ nghĩa)

Cộng sản nguyên thủy	Chiếm hữu nô lệ	Phong kiến	Tư bản chủ nghĩa	Xã hội chủ nghĩa	XH Cộng sản CN
	Nền dân chủ CHNL	Nền chuyên chế PK	Nền dân chủ TBCN	Nền dân chủ XHCN	

+ Trong xã hội nguyên thủy, từ thời kỳ Hi Lạp cổ đại nội dung dân chủ được diễn đạt đó là việc “cử ra và phế bỏ người đứng đầu là do quyền và sức lực của dân”. Đây là hình thức manh nha của dân chủ.

+ Nền dân chủ đầu tiên được tổ chức dưới hình thức nhà nước là **dân chủ chủ nô, trong chế độ chiếm hữu nô lệ** -> xuất hiện **kinh tế hàng hóa, chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, tôn giáo**. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, giai cấp chủ nô lập ra nhà nước để bảo vệ lợi ích giai cấp mình và giữ ổn định xã hội. Đó là nhà nước dân chủ đối với chủ nô, thực hiện sự thống trị của thiểu số đối với đa số người lao động là nô lệ. Giai cấp chủ nô chính thức sử dụng thuật ngữ “dân chủ” nghĩa là “quyền lực của dân” nhưng theo quy định pháp luật của chủ nô dân ở đây gồm: giai cấp chủ nô, tăng lữ, thương gia, một số trí thức và người tự do, còn đại đa số nhân dân trở thành nô lệ thì không được coi là dân. Chúng coi nô lệ là “hàng hóa”, “công cụ lao động biết nói”, “động vật 2 chân”, “vật sở hữu của chủ nô”. Thực chất, giai cấp chủ nô đã lạm dụng khái niệm dân chủ để chiếm mất quyền lực thực sự của nhân dân lao động. -> Nhà nước dân chủ chủ nô là nhà nước đầu tiên trong lịch sử sử dụng pháp luật như một công cụ hữu hiệu để chiếm đoạt quyền lực thực sự của nhân dân.

+ Chế độ phong kiến là chế độ quân chủ chuyên chế, vua là người có quyền lực tối cao, thực hiện cha truyền con nối, không có bầu cử, bãi miễn -> không có dân chủ. Nhân dân chỉ có một quyền là quyền phục tùng.

+ Nền dân chủ tư sản: chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời, là một nấc thang mới trong sự phát triển của dân chủ. Giai cấp tư sản giương cao ngọn cờ dân chủ (rất nhiều quyền tự do, quyền dân chủ của con người được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật) nhưng thực tế quyền lực thực sự vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản. Tư sản vẫn là những giai cấp chiếm mất quyền lực của nhân dân lao động. Nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số, nền dân chủ mang bản chất của giai cấp tư sản, thực hiện quyền lực và lợi ích của giai cấp tư sản chứ không phải nền dân chủ của đa số nhân dân lao động.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa: Cách mạng tháng Mười Nga thành công đã làm xuất hiện nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động đã giành lại được quyền lực thực sự của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa hướng đến xây dựng một nền dân chủ thực sự, nền dân chủ để thực hiện quyền lực của nhân dân.

- ➔ Như vậy, với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử nhân loại cho đến nay có 3 nền dân chủ. Đó là: nền dân chủ chủ nô (gắn với chế độ chiếm hữu nô lệ), nền dân chủ tư sản (gắn với chế độ tư bản chủ nghĩa), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa).
- ➔ Tóm lại, dân chủ là sản phẩm của quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp, phạm trù dân chủ xuất hiện từ khi có nhà nước.

Dân chủ ở đây được đề cập với hai nội dung chủ yếu:

- Thứ nhất, dân chủ với tư cách là quyền lực của nhân dân.
- Thứ hai, dân chủ với tư cách là chế độ nhà nước gắn trực tiếp với một giai cấp cầm quyền nhất định, dựa trên quan hệ sản xuất chủ đạo trong xã hội.

b. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ

- Thứ nhất, về phương diện quyền lực, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân.

Quyền lực căn bản nhất của nhân dân chính là quyền lực nhà nước. Bộ máy nhà nước phải vì dân, vì xã hội mà phục vụ.

- Thứ hai, về phương diện chính trị, dân chủ là một hình thức nhà nước hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ

Dân chủ gắn liền với một hình thức nhà nước, chế độ cộng sản nguyên thủy không có nhà nước vì nhà nước chưa ra đời -> không có chế độ dân chủ, mà là giá trị dân chủ

+ Quyền lực thuộc về nhân dân.

+ Có chế độ bầu cử, bãi miễn các thành viên nhà nước.

+ Quản lý xã hội theo pháp luật.

- Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc quản lý xã hội – nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ (thiểu số phải phục tùng đa số)

➔ Như vậy, dân chủ với tư cách là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị, nó là một phạm trù lịch sử, ra đời và phát triển gắn liền với nhà nước và mất đi khi nhà nước tiêu vong. Song dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội, nó là phạm trù vĩnh viễn, tồn tại và phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển của con người.

c. Dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn cứ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và điều kiện cụ thể của Việt Nam, Người khẳng định: Dân chủ là “Dân là chủ, Dân làm chủ”; “Dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội”. Người cũng khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ tức là nhân dân là người chủ mà chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân”. Người khẳng định: “Dân chủ là mọi quyền hạn thuộc về nhân dân, dân phải thực sự là chủ thể của xã hội và phải được làm chủ một cách toàn diện”.
- Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng: “Từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân” (1991).
- Trong các kỳ đại hội tiếp theo (ĐH X, XI, XII – 2016), Đảng ta đã khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”.

➔ Từ những cách tiếp cận trên, dân chủ có thể được hiểu như sau:

Dân chủ là một **giá trị xã hội** phản ánh những quyền cơ bản của con người, là một phạm trù chính trị gắn với các **hình thức tổ chức nhà nước** của giai cấp cầm quyền, là một **phạm trù lịch sử** (gắn liền với một giai cấp nào đó, thường mang bản chất của giai cấp thống trị xã hội) gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại (không ra đời cùng với sự ra đời của con người, mất đi khi những điều kiện, nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nó mất đi)

Trình độ thực hiện dân chủ phụ thuộc vào mức độ tham gia của quần chúng vào công việc nhà nước và xã hội.

2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa



- Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phê loại từ Công xã Paris (Pháp) năm 1871.
- Khi Cách mạng tháng 10 Nga thành công với sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917) nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính thức được xác lập. Nó có sự kế thừa những giá trị của nền dân chủ trước đó. Đồng thời nó bổ sung và làm sâu sắc thêm những giá trị của nền dân chủ mới.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Bản chất chính trị:
 - Nó vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp, mang bản chất của **giai cấp công nhân**, có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc (bảo vệ cả nhân dân lao động bởi vì lợi ích về mặt chính trị của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động – đều muốn hướng tới xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội bình đẳng); đặt dưới sự lãnh đạo

của Đảng Cộng sản trong đó quyền lực thuộc về nhân dân (nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính nhất nguyên về chính trị).

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân, vì lợi ích của đa số nhân dân, nên nó tạo điều kiện để nhân dân tham gia ngày càng đông đảo vào việc quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

➔ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ dành cho đa số, nó vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc. Do vậy, nó khác về chất so với nền dân chủ tư sản:

Nền dân chủ tư sản	Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
<i>Chương 1: Lược khảo tư tưởng xã hội chủ nghĩa</i>	
Bản chất giai cấp tư sản	Bản chất giai cấp công nhân
Cơ chế chính trị đa nguyên	Cơ chế chính trị nhất nguyên
Chế độ đa đảng	Chế độ một đảng
Nhà nước pháp quyền tư sản	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Bản chất kinh tế:

- Nó dựa trên **chế độ công hữu** về tư liệu sản xuất **chủ yếu**, thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo **kết quả lao động** là chủ yếu (không phải duy nhất).

- Nó đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu

- Bản chất văn hóa, tư tưởng:

Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng (hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê nin); nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần, được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân (nhân dân sáng tạo ra, nhân dân được hưởng)

-> Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một thành tựu văn hóa.

=> Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn so với nền dân chủ tư sản.

II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa



- Trong xã hội tư bản có mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất, dẫn tới mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản, làm xuất hiện các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản.
 - Mặt khác, giai cấp vô sản được trang bị lý luận của chủ nghĩa Mác nên Đảng Cộng sản đã được thành lập để lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng và trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng. Dưới tác động của các yếu tố đó thì cách mạng vô sản có thể xảy ra ở những nước có chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển cao hoặc trong các nước dân tộc thuộc địa.
- ➔ Như vậy, nhà nước xã hội chủ nghĩa là **kết quả** của cuộc cách mạng do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành, **dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản**. Tuy nhiên, tùy vào đặc

điểm và điều kiện của mỗi quốc gia thì sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như việc tổ chức chính quyền sau cách mạng có những đặc điểm, hình thức khác nhau.

- ➔ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự **thống trị chính trị** thuộc về giai cấp công nhân, do cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa.

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Bản chất bất kỳ của nhà nước nào trong xã hội có giai cấp thì bao giờ cũng mang bản chất của giai cấp thống trị. So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, thì nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, nó có bản chất khác hẳn với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử.

- Về chính trị:

Vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và có tính dân tộc sâu sắc. Bởi vì, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân mà giai cấp công nhân lại có lợi ích phù hợp với lợi ích của quần chúng nhân dân lao động và của cả dân tộc (giống như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa).

- Về kinh tế:

- Dựa trên quan hệ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Đặt việc chăm lo lợi ích của nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu, nhà nước xã hội chủ nghĩa là bộ máy để trấn áp và cũng là một bộ máy chính trị hành chính và đồng thời, là tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, cho nên nó nhà nước “nửa nhà nước”.

- Về văn hóa – xã hội:

- Xây dựng trên nền tảng tinh thần: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại và mang bản sắc riêng của dân tộc.

- Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp. Các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

→ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới.

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Tùy theo góc độ tiếp cận mà chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành các chức năng khác nhau:

- Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước: 2 chức năng:

+ Chức năng giai cấp (chức năng trấn áp): sử dụng những công cụ bạo lực để đập tan sự phản kháng của kẻ thù, chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh xã hội.

+ Chức năng xã hội (chức năng tổ chức và xây dựng): tổ chức, quản lý có hiệu quả công việc xây dựng toàn diện xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa nên việc thực hiện chức năng của nhà nước cũng có sự khác biệt so với các nhà nước trước đó:

+ Bạo lực, trấn áp là chức năng vốn có của mọi nhà nước. Song, bạo lực, trấn áp trong nhà nước xã hội chủ nghĩa là sự trấn áp của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột.

+ Chính quyền nhà nước mới tạo ra được năng suất lao động cao hơn chế độ cũ, xây dựng chế độ xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa – đây là chức năng căn bản, chủ yếu, quyết định của nhà nước xã hội chủ nghĩa để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

- Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước: 2 chức năng:

+ Chức năng đối nội: nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện giữ gìn chính trị, trật tự an toàn xã hội; quản lý trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng của toàn xã hội.

+ Chức năng đối ngoại: chống mọi sự xâm lược, can thiệp của bên ngoài, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia; mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi với nhân dân các nước trên thế giới.

2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Một là, dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, là nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.
 + Trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân có đủ các điều kiện thực hiện ý chí, quyền lực của mình.
 + Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước.
 - Hai là, nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.
 + Thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình.
 + Công cụ bạo lực để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- ➔ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ lợi ích của người dân; là công cụ sắc bén để thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội và xây dựng thành công chế độ xã hội mới – chế độ xã hội chủ nghĩa.

III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng tháng 8/1945.
- Đại hội VI của Đảng (1986): “Lấy dân làm gốc”.
- Đến các kỳ đại hội tiếp theo, vấn đề dân chủ vẫn được Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh.
- Đến nay, dân chủ ngày càng được nhận thức và phát triển phù hợp với điều kiện của nước ta.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Thể hiện ở các nội dung sau:
 - + Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).
 - + Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.
 - + Dân chủ là động lực để xây dựng xã hội chủ nghĩa.
 - + Dân chủ gắn với pháp luật.
 - + Dân chủ được thực hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Ở nước ta có 2 hình thức dân chủ: trực tiếp và gián tiếp.
 - + Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân ủy quyền, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra.
 - + Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội.
- ➔ Như vậy, thực tiễn cho thấy bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng thể hiện giá trị “Lấy dân làm gốc”.

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Khái niệm: Nhà nước pháp quyền là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.
- Những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:
 - Thứ nhất, nhà nước của dân, do dân và vì dân.
 - Thứ hai, nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.
 - Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Thứ tư, nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
 - Thứ năm, nhà nước tôn trọng quyền con người.
 - Thứ sáu, nhà nước hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm quyền lực thống nhất.
- ➔ Như vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân, nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phân biên xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân

NỘI DUNG ÔN TẬP

- Câu 1: Dân chủ là gì? Trình bày một số quan niệm về dân chủ trong lịch sử.
- Câu 2: Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Câu 3: Phân tích nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chương V. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

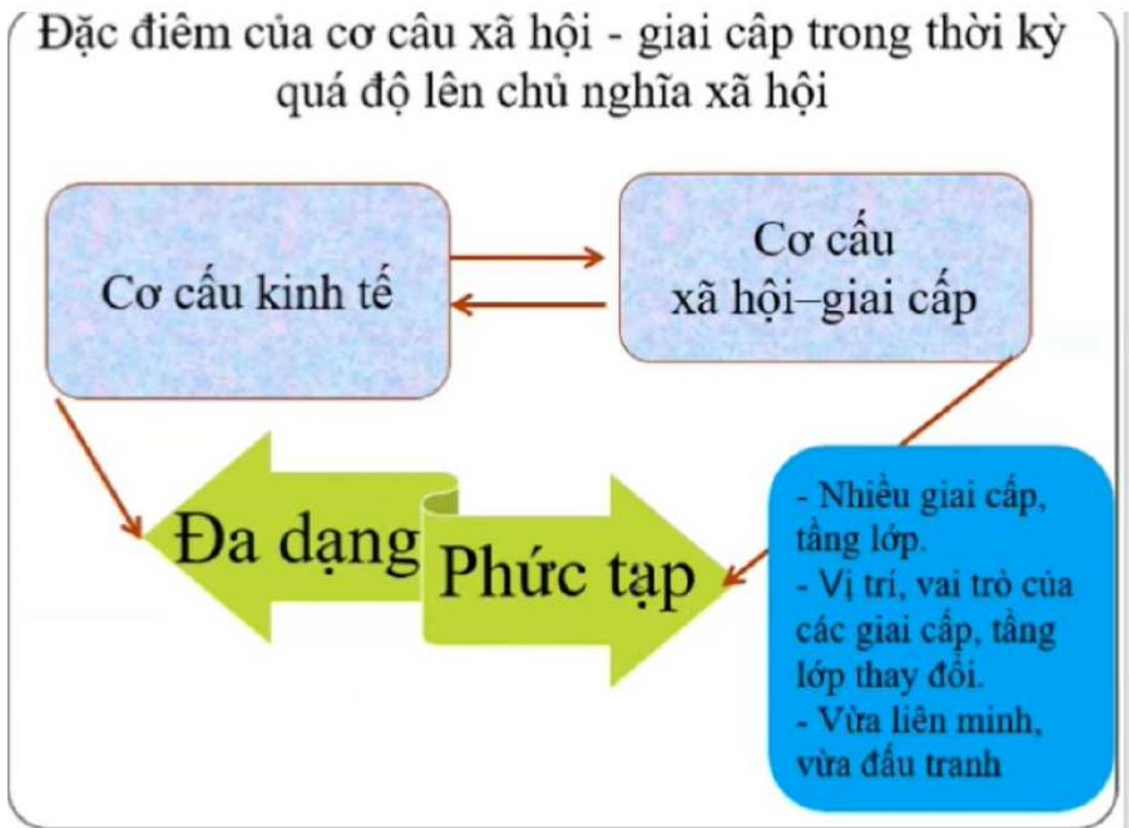
1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

a. Khái niệm:

- Cơ cấu xã hội: là tổng thể những **cộng đồng người** cùng toàn bộ các **quan hệ xã hội** do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng đó tạo nên. Cộng đồng người là sự tập hợp các thành viên của xã hội theo một nguyên tắc nào đó (cộng đồng sản xuất, cộng đồng chính trị, cộng đồng dân cư,...). Quan hệ xã hội là tất các mối quan hệ giữa người với người hình thành trong quá trình của đời sống xã hội. (quan hệ dân tộc, quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ tôn giáo,...)

Dựa trên các tiêu chí khác nhau chia cơ cấu xã hội có nhiều loại hình khác nhau: cơ cấu xã hội – giai cấp, cơ cấu xã hội – dân số, cơ cấu xã hội – dân tộc, cơ cấu xã hội – tôn giáo, cơ cấu xã hội – nghề nghiệp,...

- Cơ cấu xã hội – giai cấp: là tổng thể các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.
- Đặc điểm của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội:** mang tính đa dạng, phức tạp



b. Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội:

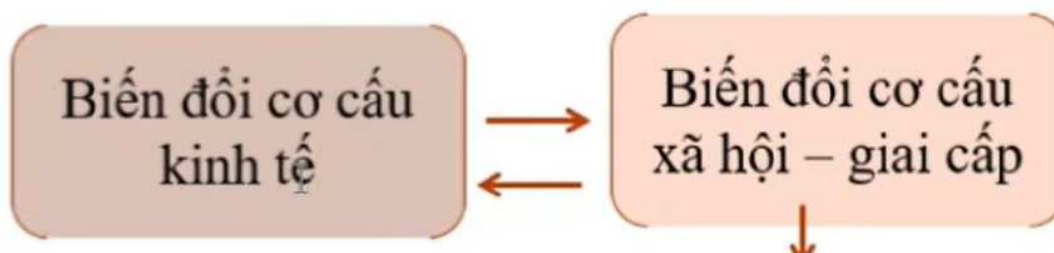
- Cơ cấu xã hội – giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định.
 - Sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội, cũng như tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- ➔ Cơ cấu xã hội – giai cấp là căn cứ cơ bản để xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng gia đoạn lịch sử cụ thể.

2. Xu hướng biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Xu hướng chủ yếu:

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai cấp, tầng lớp về mối quan hệ với tư liệu sản xuất.
- Sự xích lại gần nhau về tính chất lao động thể hiện thông qua việc phát triển cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, áp dụng những thành tựu mới vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất.
- Xích lại gần nhau về mối quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng giữa các giai cấp, tầng lớp. Xu hướng này diễn ra chủ yếu liên quan đến việc thực hiện ngày càng hoàn thiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.
- Sự xích lại gần nhau về tiến bộ trong đời sống tinh thần giữa các giai cấp.

b. Tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:



- Biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi biến đổi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. (ví dụ: biến đổi cơ cấu ngành kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, giai cấp nông dân chiếm số lượng đông cao -> công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, số lượng nông dân có xu hướng giảm, số lượng công nhân tăng)
- Cơ cấu xã hội – gia cấp biến đổi phức tạp, đa dạng làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới. Ngoài các giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, tư sản thì đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển các giai cấp tầng lớp xã hội mới như doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội.
- Cơ cấu xã hội giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh vừa liên minh giữa các giai cấp tầng lớp (các giai cấp, tầng lớp có mục tiêu khác nhau, lợi ích khác nhau thì sẽ đấu tranh với nhau; liên minh để thực hiện một mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội – liên minh là chủ yếu)

II. Liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ.

- Khái niệm:
- Liên minh giai cấp tầng lớp là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau giữa các giai cấp, tầng lớp có lợi ích cơ bản thống nhất (vấn đề chiến lược).

- Trong trường hợp cụ thể, vì mục đích chung, có thể xảy ra liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp có lợi ích cơ bản đối kháng (vấn đề sách lược). Khi thực hiện cuộc cách mạng tư sản để lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản đã liên minh với giai cấp vô sản thực hiện cuộc cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản.



- Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

a. Xét dưới góc độ chính trị xã hội:

- Liên minh giai cấp, tầng lớp là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản.
Giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng XHCN cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng xã hội mới.
- Thông qua liên minh đã tập hợp được lực lượng đông đảo phấn đấu cho mục tiêu xây dựng thành công cho chủ nghĩa xã hội và là điều kiện để giai cấp công nhân giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội.

b. Xét dưới góc độ kinh tế:

- Yêu cầu xây dựng nền kinh tế quốc dân thống nhất bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ gắn bó chặt chẽ với nhau để thỏa mãn lợi ích kinh tế trước mắt và lâu dài của các giai cấp tầng lớp.

- Yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (liên minh trên tất cả lĩnh vực)

a. Nội dung kinh tế (quan trọng nhất):

- Liên minh bắt nguồn từ sự gắn kết không thể tách rời giữa công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ -> sự gắn kết không thể tách rời giữa nông dân, công nhân, đội ngũ trí thức.
- Liên minh về kinh tế để thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền tảng vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.
- Thực hiện liên minh về kinh tế nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp khác trong xã hội.

b. Nội dung chính trị:

- Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa, **xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa** – đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân. Liên minh nhưng phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

b. Nội dung chính trị

- + Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức **tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân**, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, **bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**.
- + Tạo cơ sở vững chắc **củng cố nhà nước xã hội chủ nghĩa**, bảo vệ chế độ XHCN và mọi thành quả cách mạng.
- + Liên minh giai cấp, tầng lớp lao động khác **tạo thành cơ sở vững chắc bảo vệ vai trò lãnh đạo của GCCN** (thông qua Đảng Cộng sản) đối với toàn xã hội.

c. Nội dung văn hóa, xã hội (vai trò của đội ngũ trí thức rất quan trọng)

Nâng cao trình độ học vấn, văn hóa, khoa học công nghệ và kỹ năng vận dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống cho giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp xã hội
-> nâng cao năng suất lao động xã hội, chất lượng, hiệu quả quản lý kinh tế xã hội.

III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật **phổ biến**, vừa mang tính **đặc thù** của xã hội Việt Nam

+ Tính quy luật phổ biến (sự thay đổi về cơ cấu kinh tế từ tất yếu sẽ dẫn đến sự thay đổi cơ cấu xã hội – giai cấp): Từ cơ cấu xã hội – giai cấp, có đối kháng, đấu tranh giai cấp là chủ yếu (trước năm 1945), sang cơ cấu xã hội – giai cấp không có đối kháng, liên minh giai cấp, tầng lớp là chủ yếu (sau năm 1945)

+ Tính đặc thù: sự biến đổi đa dạng, phức tạp trong chính nội bộ từng giai cấp.

- Các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong xã hội

+ Giai cấp công nhân: giai cấp lãnh đạo, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến (phương thức cộng sản chủ nghĩa), giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Giai cấp nông dân: giữ vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế xã hội bền vững.

+ Đội ngũ trí thức: là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong quá trình hội nhập quốc tế, trong điều kiện phát triển nền kinh tế trí thức; là một lực lượng trong khối liên minh. Trí thức bao giờ cũng là trí thức của giai cấp, trí thức chỉ phát huy được sức mạnh của mình khi đi cùng với một giai cấp. Trí thức không đại diện cho một phương thức sản xuất nào trong lịch sử; không có hệ tư tưởng độc lập -> không phải là một giai cấp.

+ Đội ngũ doanh nhân: nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển bền vững của nền kinh tế, đóng góp rất lớn trong việc giải quyết công ăn việc làm.

Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam



b. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp Giai cấp công nhân

- + Là giai cấp lãnh đạo cách mạng, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp
- + Biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu.
- + Bộ phận “công nhân trí thức” sẽ ngày càng lớn mạnh.
- + Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân ngày càng được nâng lên.

Giai cấp nông dân

- + Có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp;
- + Có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội – giai cấp.
- + Xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời Một số nông dân mất ruộng đất, đi làm thuê...
- + Sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân cũng ngày càng rõ.

Đội ngũ trí thức



Trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh **công nghiệp hóa, hiện đại hóa** đất nước và hội nhập quốc tế, **xây dựng kinh tế tri thức**, phát triển **nền văn hóa** Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đội ngũ doanh nhân

- + Phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên.
- + Xuất hiện các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.
- + Đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

Phụ nữ



+Phụ nữ là lực lượng quan trọng và đông đảo trong xã hội góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng CNXH.
+ Phụ nữ thể hiện vai trò trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình

2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

* Nội dung chính trị:

Nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc

- Giữ lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân
- Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản
- Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

* Nội dung kinh tế:

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kĩ thuật của liên minh trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương,...) -> xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế (phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng vùng, ngành)
- Xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức hoạt động kinh tế đảm bảo nhu cầu, lợi ích kinh tế của các giai cấp, tầng lớp

*** Nội dung văn hóa – xã hội:**

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại
- Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội
- Bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng nông thôn mới
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

3. Phương hướng liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.
- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp
- Tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.
- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh
- Đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Chương VI. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

1. Khái niệm dân tộc và đặc trưng của dân tộc

- Dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng người từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển của các hình thức cộng đồng người trong lịch sử. Sự thay đổi về phương thức sản xuất dẫn đến sự biến đổi các hình thức cộng đồng người.
- Sự hình thành dân tộc ở phương Đông và phương Tây khác nhau, phương Đông hình thành sớm hơn, trước khi chủ nghĩa tư bản được xác lập, còn ở phương Tây sự hình thành dân tộc gắn liền với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- Nghĩa rộng: dân tộc – quốc gia dân tộc (dân tộc Việt Nam,...); nghĩa hẹp: dân tộc – tộc người (dân tộc Kinh, Tày, Thái, Hoa...)
- Theo nghĩa rộng, dân tộc có một số đặc trưng sau:
 - + Thứ nhất, có chung một vùng **lãnh thổ** ổn định.
 - + Thứ hai, có chung một phương thức sinh hoạt **kinh tế**.
 - + Thứ ba, có chung một **ngôn ngữ** chung làm công cụ giao tiếp.
 - + Thứ tư, có chung một **nền văn hóa và tâm lý**.
 - + Thứ năm, có sự **quản lý của một nhà nước**.
- Theo nghĩa hẹp, dân tộc có những đặc trưng cơ bản sau:
 - + Cộng đồng về **ngôn ngữ** (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết: hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói).
 - + Cộng đồng về **văn hóa**. Văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể ở mỗi tộc người, phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó.
 - + Ý thức **tự giác tộc người**. Đây là tiêu chí **quan trọng nhất** để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi người. (luôn luôn có ý thức về cội nguồn của dân tộc mình, có ý thức tự khẳng định sự tồn tại của dân tộc mình)

Khái niệm:

Theo nghĩa rộng, dân tộc (nation) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam vv..

Theo nghĩa hẹp, dân tộc (ethnic) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.

2. Chủ nghĩa Mác – Lê nin về vấn đề dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

- Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.
- Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

***Biểu hiện của hai xu hướng dân tộc trong thời đại ngày nay**

-Trong phạm vi các quốc gia chủ nghĩa xã hội: hai xu hướng tác động cùng chiều, bổ sung hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong cả quốc gia và đụng chạm đến tất cả các quan hệ dân tộc (về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...).

-Trên phạm vi thế giới, sự thức tỉnh ý thức dân tộc đang làm bùng lên phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, đấu tranh chống kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc.

9

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

*** Cơ sở:**

- Lí luận: quan điểm của C.Mác và Ăngghen về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp; mối quan hệ giữa hai xu hướng của phong trào giải phóng dân tộc
- Thực tiễn: phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ 20; thực tiễn phong trào cách mạng của nước Nga cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20.

*** Nội dung**

Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.”

Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin có 3 phần:

- Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
- + Là **quyền thiêng liêng** của các dân tộc, các dân tộc không phụ thuộc vào số lượng, trình độ phát triển có **quyền lợi và nghĩa vụ như nhau**, các dân tộc không có đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ...với dân tộc khác. Không một dân tộc nào được quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác
- + Trong **một quốc gia có nhiều dân tộc**, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được **pháp luật bảo vệ** và được **thực hiện trong thực tế**, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.
- + Quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh **chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc**, chủ nghĩa bá quyền nước lớn; chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản **phát triển** đối với các nước lạc hậu, **chậm phát triển** về kinh tế.
- Các dân tộc được quyền tự quyết:
 - + Là quyền **làm chủ của mỗi dân tộc**, quyền **tự quyết định** con đường phát triển kinh tế, chính trị – xã hội của dân tộc mình, bao gồm:
 - Quyền **tự do phân lập** thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập
 - Quyền **tự nguyện liên hiệp** với các dân tộc khác trên cơ sở **bình đẳng**
 - + Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần **đứng vững trên lập trường của GCCN**: **ủng hộ** các phong trào dân tộc tiến bộ, **kiên quyết đấu tranh** chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc (phải xuất phát từ lợi ích của cả dân tộc, hoàn cảnh lịch sử)

- Liên hiệp **công nhân** tất cả các dân tộc

+ Đây là **tư tưởng, nội dung cơ bản** trong cương lĩnh dân tộc của Lênin, thể hiện **bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân** và phản ánh tính thống nhất giữa sự nghiệp **giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp**.

+ Có ý nghĩa lớn lao đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

+ Có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện **quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết**.

+ Là yếu tố tạo nên sức mạnh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

+ Giai cấp công nhân thuộc các dân tộc khác nhau đều thống nhất, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

II. Dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc ở Việt Nam

1. Đặc điểm của dân tộc Việt Nam

- Các dân tộc ở Việt Nam có tinh thần đoàn kết, ý thức I cộng đồng

- Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống yêu nước

- Các dân tộc ở Việt Nam có địa bàn **cư trú đan xen** nhau

- Các dân tộc ở Việt Nam có sự **chênh lệch** nhau về nhiều mặt (dân số, trình độ phát triển kinh tế,...)

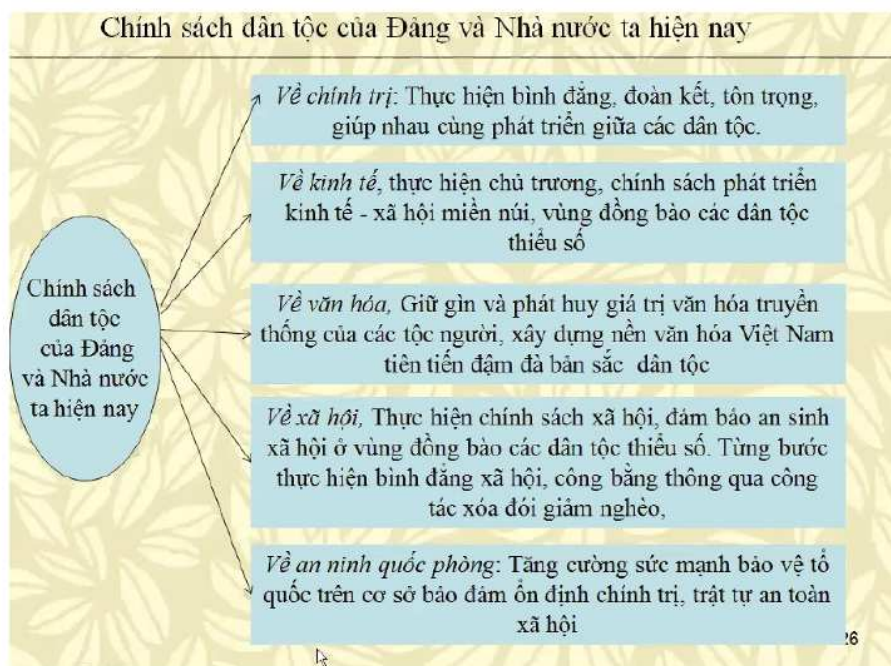
- Các dân tộc ở Việt Nam có **bản sắc văn hóa** riêng

- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu cư trú ở địa bàn có vị trí **chiến lược quan trọng** về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế

2. Quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc

- Đoàn kết dân tộc - vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc bình đẳng, tương trợ nhau cùng phát triển và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Phát triển toàn diện các dân tộc và chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng, gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc...
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi...
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, **toàn dân**, toàn quân của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị



Chương VII: Vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

I. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

1. Khái niệm và bản chất của tôn giáo

a. Khái niệm

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin:

Tôn giáo là một **hình thái ý thức xã hội** phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các **lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí...**

(ngoài tôn giáo ra còn nhiều ý thức xã hội khác như ý thức chính trị, ý thức đạo đức, ý thức khoa học, ý thức triết học,...)

Tôn giáo là một thực thể xã hội. Phải hội đủ các tiêu chí sau thì nó mới là tôn giáo:

- + Có niềm tin sâu sắc về đấng siêu nhiên, lực lượng siêu nhiên đó
- + Có hệ thống giáo thuyết (được thể hiện thông qua giáo lí, giáo luật, lễ nghi,...)
- + Có hệ thống cơ sở thờ tự (chùa, nhà thờ,...)
- + Phải có tổ chức nhân sự quản lí điều hành đạo (những chức sắc tôn giáo)
- + Có hệ thống tín đồ đông đảo (tự nguyện tin theo và được tôn giáo đó thừa nhận)

Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, lực lượng siêu nhiên, tôn sùng một điều gì đó pha chút huyền bí hư ảo và yếu tố đó tác động mạnh mẽ tới đời sống tâm lí của con người. (cũng có thể lòng biết ơn, ngưỡng mộ, sự kính trọng đối với một lực lượng nào đó). Tín ngưỡng không nhất thiết có đủ có yếu tố trên. Ví dụ: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc,...

-> Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng

b. Bản chất

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra.
- Tôn giáo là sự phản ánh một cách hư ảo hiện thực khách quan (= phản ánh không đúng)

2. Nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo

a. Nguồn gốc

- Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội:
- + Con người bắt lực trước các hiện tượng tự phát trong tự nhiên
- + Con người bắt lực trong việc giải thích các hiện tượng tiêu cực trong xã hội

- Nguồn gốc nhận thức: ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, về xã hội, chính bản thân mình là cái giới hạn, những điều mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường được giải thích qua lăng kính tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học giải thích nhưng do trình độ dân trí thấp kém họ chưa nhận thức đầy đủ vấn đề đó là điều kiện, tiền đề để tôn giáo tồn tại, phát triển
- Nguồn gốc tâm lí: sự sợ hãi của con người, hiện tượng may rủi bất ngờ, tâm lí muốn được bình yên, thanh thản, lòng biết ơn, sự kính trọng đến những người có công với đất nước,... đưa con người tìm đến tín ngưỡng, tôn giáo.

b. Tính chất

- Tính lịch sử:
- Tính quần chúng: khoảng $\frac{3}{4}$ dân số thế giới theo tôn giáo
- Tính chính trị: ra đời trong xã hội có giai cấp, có nhà nước, có áp bức, bóc lột; giai cấp thống trị (phản động) thường lợi dụng tôn giáo làm công cụ để nô dịch về mặt tinh thần đối với quần chúng nhân dân.

c. Chức năng

- Chức năng thế giới quan: quan niệm con người về thế giới
- Chức năng đền bù hạnh phúc hư ảo
- Chức năng điều chỉnh hành vi đạo đức
- Chức năng liên kết cộng đồng, chuyển tải, bảo lưu văn hóa

II. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Nguyên nhân kinh tế: mặt trái của kinh tế thị trường là sự phân hóa giàu nghèo, vì lợi nhuận mà buôn bán hàng giả, hàng nhái, vi phạm pháp luật -> tác động tiêu cực đến đời sống con người dẫn đến một bộ phận quần chúng nhân dân có tâm lí thụ động, ỷ lại, trông chờ vào lực lượng siêu nhiên. Có thể có những yếu tố ngẫu nhiên may rủi giàu lên một cách nhanh chóng, nghèo đi một cách nhanh chóng -> họ không giải thích được vì sao, họ tin là có một lực lượng siêu nhiên nào đó tác động, chi phối
- Nguyên nhân chính trị - xã hội:
 - + Một số nguyên tắc trong các tôn giáo có chứa đựng các giá trị đạo đức phù hợp với đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên nó còn có điều kiện để tồn tại
 - + Bản thân tôn giáo có khả năng tự biến đổi để đồng hành với dân tộc, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội nhưng khả năng biến đổi của nó rất chậm; nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của công dân

+ Cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay, các thế lực phản động vẫn coi tôn giáo là một chiêu bài để chống phá Đảng và nhà nước, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Nguyên nhân văn hóa: tôn giáo ở một mức độ nào đó có khả năng đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân bởi vì các tôn giáo lớn có chứa đựng các giá trị nhân văn, nhân đạo, hướng thiện,... nó giáo dục giá trị văn hóa cho quần chúng nhân dân.

- Nguyên nhân nhận thức:

+ Thời kì quá độ trình độ khoa học còn hạn chế nên chưa thể giải thích tất cả các hiện tượng trong tự nhiên, xã hội tác động, chi phối đời sống con người

+ Trình độ dân trí ở nhiều nơi còn thấp

- Nguyên nhân tâm lí: tôn giáo đã ra đời rất lâu, ăn sâu vào tiềm thức của người dân qua nhiều thế hệ, trở thành lối sống của một bộ phận quần chúng nhân dân.

2. Nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

- Phát huy mặt tích cực, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng của tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

III. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Đặc điểm cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo

- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình, không có xung đột, đấu tranh tôn giáo.

- Các tôn giáo ở Việt Nam nói chung luôn đồng hành cùng dân tộc, có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước

- Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

2. Quan điểm, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn giáo

- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường **theo đúng pháp luật**.

- Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo với đồng bào không theo tôn giáo.
- Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào
- Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, ủng hộ các xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo, làm cho các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng của toàn dân.
- Nghiêm cấm việc lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Tác động hai mặt của tôn giáo

<p style="text-align: center; color: #c00000;">Tích cực</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tôn giáo phản ánh khát vọng của con người về một xã hội tốt đẹp hơn -Tôn giáo hướng làm tăng tính liên kết cộng đồng -Tôn giáo hướng con người về những giá trị cao cả, đạo đức, hướng thiện - Tôn giáo góp phần tạo dựng, tham gia sáng tạo các giá trị văn hoá 	<p style="text-align: center; color: #c00000;">Tiêu cực</p> <p>Tôn giáo lại kìm hãm sự vươn lên của con người để hiện thực hoá khát vọng đó.</p> <p>Tôn giáo cũng là nguy cơ của sự mất đoàn kết, do sự sùng tín hay tính cục bộ của nó.</p> <p>Tôn giáo lại làm tăng tính thụ động của con người theo những giáo điều có sẵn và bất di, bất dịch.</p> <p>Tôn giáo lại kìm hãm sự sáng tạo hiện thực của con người.</p>
---	--

30

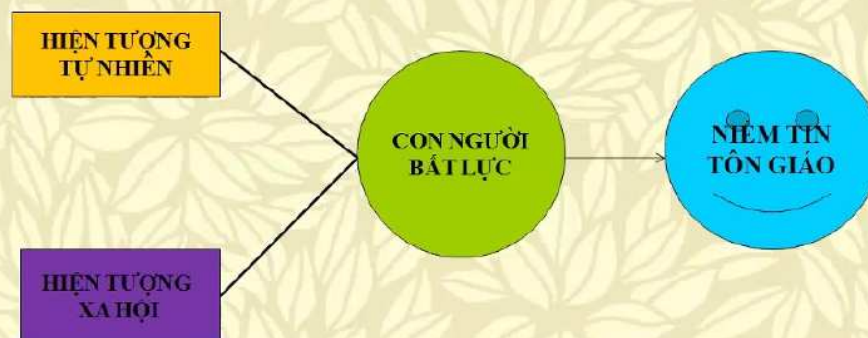
b. Nguồn gốc của tôn giáo:

- - NGUỒN GỐC KINH TẾ - XÃ HỘI
- - NGUỒN GỐC NHẬN THỨC
- - NGUỒN GỐC TÂM LÝ

I

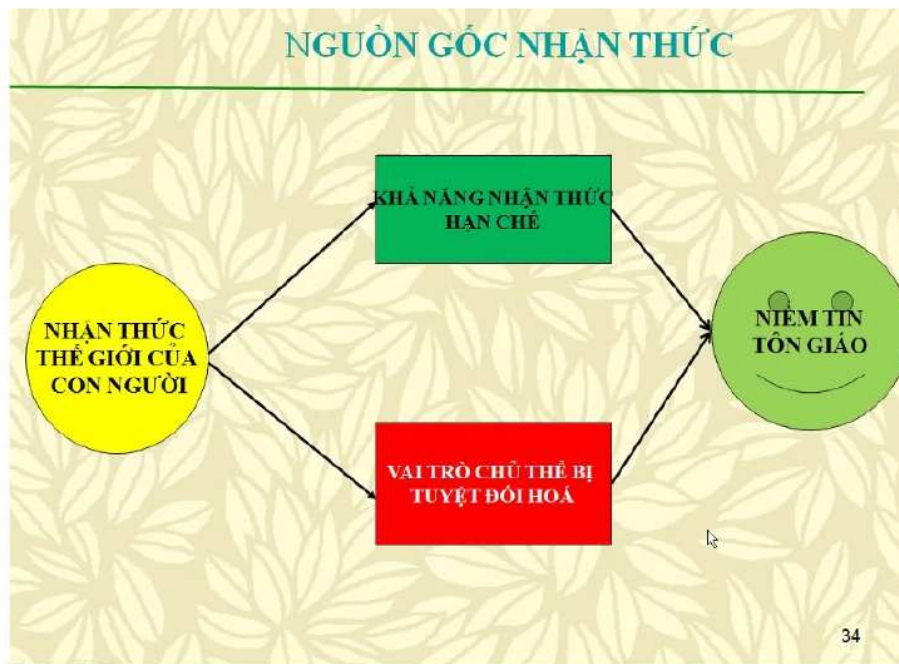
31

NGUỒN GỐC KINH TẾ - XÃ HỘI

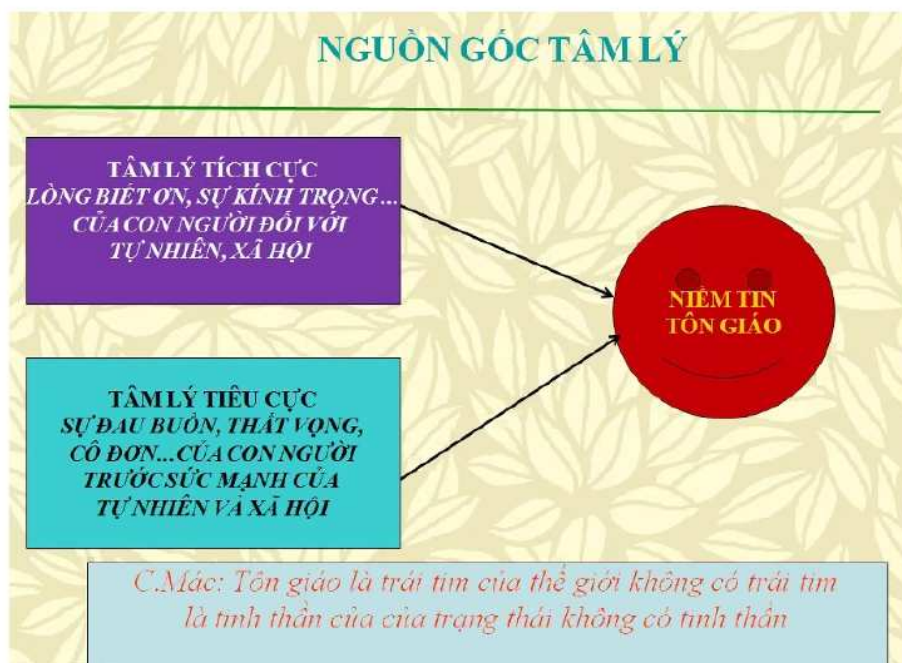


32

- Do trình độ của lực lượng sản xuất thấp kém trong xã hội cộng sản nguyên thủy => con người không giải thích được các hiện tượng tự nhiên.
 - Khi xã hội xuất hiện giai cấp đối kháng => con người lại bất lực trước những sức mạnh tự phát của đời sống xã hội: phân hóa giàu nghèo, bất công...
- ⇒ Nguồn gốc kinh tế - xã hội làm nảy sinh tôn giáo. Muốn xóa bỏ tôn giáo thì cần phải phát triển lực lượng sản xuất, xóa bỏ tình trạng tư hữu.



- Khả năng nhận thức của con người về nguyên tắc, con người nhận thức đầy đủ, đúng đắn hiện thực khách quan nhưng trong từng giai đoạn cụ thể thì khả năng nhận thức của con người là có giới hạn, khoảng cách giữa biết và chưa biết vẫn tồn tại những điều mà khoa học chưa giải thích được.
- Sự nhận thức của chủ thể sẽ dẫn đến thiếu khách quan nên dễ rơi vào ảo tưởng, thần thánh hóa đối tượng.



- Sự sợ hãi của con người trước tự nhiên, xã hội đã làm nảy sinh ra tôn giáo.

- Những tình cảm, tâm lý tích cực của con người đối với tự nhiên, xã hội: lòng biết ơn, sự kính trọng...
- Tôn giáo đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân: bù đắp sự đau buồn, hụt hẫng, thất vọng trong cuộc sống

2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

a. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Nguyên nhân nhận thức:

- + Hiện nay trình độ khoa học kỹ thuật và trình độ dân trí chưa thật cao, nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội cho đến nay vẫn chưa giải thích được.
- + Những sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội tác động và chi phối đời sống của con người.

Nguyên nhân tâm lý:

Tôn giáo tồn tại lâu đời trong lịch sử loài người, ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân qua nhiều thế hệ trở thành một kiểu sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu của cuộc sống.

40

Nguyên nhân kinh tế:

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đang được hình thành với những yếu tố tự phát ngẫu nhiên, may rủi: sự bất bình đẳng, phá sản, thất nghiệp, tan vỡ gia đình... tác động đến con người nên làm con người trông chờ vào sự giúp đỡ của các lực lượng siêu nhiên

Nguyên nhân văn hoá:

Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hoá tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Vì vậy, trong việc kế thừa, bảo tồn và phát huy văn hoá (có chọn lọc) của nhân loại, trong đó đạo đức tôn giáo là cần thiết.

↳

42

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên CNXH.

- * Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.*
- * Khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo gắn liền với cuộc vận động toàn dân đoàn kết cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*
- * Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. ội mới.*
- * Thực hiện sự đoàn kết giữa quần chúng nhân dân lao động theo tôn giáo và không theo tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.*
- * Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.*

44

Chương VIII: Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

I. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình

1. Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử

Khái niệm: gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội **đặc biệt**, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở **quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng**, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Các mối quan hệ cơ bản của gia đình:

- + Quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình, là cơ sở pháp lí cho sự tồn tại của mỗi gia đình
- + Quan hệ huyết thống (cha, mẹ và con cái,...) là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân
- + Quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục(cha mẹ nuôi và con nuôi)

Các hình thức gia đình trong lịch sử:

- + Gia đình tập thể (tồn tại trong chế độ cộng sản nguyên thủy)
- + Gia đình cá thể (một vợ, một chồng) – sản phẩm của xã hội có giai cấp

2. Vị trí của gia đình trong xã hội

- Gia đình là tế bào của xã hội: không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được
- Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống của mỗi thành viên:

+ Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển.

+ Chỉ trong môi trường yên ả của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

- Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội:

+ Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người.

+ Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội.

+ Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

+ Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân.

3. Chức năng cơ bản của gia đình

- Chức năng tái sản xuất ra con người:

+ Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế.

+ Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm lí sinh lí tự nhiên của con người mà còn đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội.

+ Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Việc thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ, số lượng dân cư, nguồn lao động của một quốc gia.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục:

+ Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

+ Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái. đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội.

+ Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già.

- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:

+ Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. -> gia đình phải tạo ra nguồn thu, thu nhập

+ Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. -> để tạo ra thu nhập

+ Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình:

+ Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em.

- Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị...

II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng với trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, mà cốt lõi là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu -> xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, xóa bỏ sự áp bức bóc lột -> bình đẳng trong xã hội -> bình đẳng giữa nam và nữ -> bình đẳng giữa vợ và chồng, con trai và con gái

2. Cơ sở chính trị - xã hội

Thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước mới là nhà nước xã hội chủ nghĩa, quyền lực thuộc về nhân dân, xóa bỏ sự phân biệt giữa nam và nữ, xóa bỏ tàn dư luật lệ cũ, phong tục cổ hủ lạc hậu đè lên vai người phụ nữ, giải phóng người phụ nữ.

3. Cơ sở văn hóa

- Những giá trị văn hóa của gia đình truyền thống.

- Những giá trị văn hóa mới được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, nòng cốt là chủ nghĩa Mác – Lê nin -> tạo điều kiện từng bước xóa bỏ hệ tư tưởng cũ: Nho giáo,...

- Sự phát triển hệ thống giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ được áp dụng góp phần làm nâng cao trình độ dân trí, nâng cao kiến thức khoa học cho quần chúng nhân dân, hình thành

những chuẩn mực mới điều chỉnh những mối quan hệ trong gia đình: bình đẳng, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ,...

4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

*** Hôn nhân tự nguyện**

- Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ.
- Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện.
- Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa.

*** Hôn nhân một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng**

- Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu.
- Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

*** Hôn nhân được đảm bảo về mặt pháp lý**

- Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội.
- Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người. xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

- Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: giúp các gia đình năng động hơn để tham gia phát triển kinh tế, giúp mang lại thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho gia đình
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: các giá trị của gia đình phương Tây xâm nhập vào Việt Nam

- Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

- Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về gia đình

2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

*** Biến đổi về quy mô, kết cấu của gia đình:**

- Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là "gia đình quá độ" trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại.

- Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi.

*** Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình:**

- Chức năng tái sản xuất ra con người:

+ Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con.

+ Thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

- Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:

+ Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

+ Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội.

- Chức năng giáo dục (xã hội hóa):

+ Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên.

+ Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm.

+ Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm... cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm:

+ Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm.

+ Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

*** Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình**

- Quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng:

+ Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình.

+ Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

- Quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình:

+ Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi.

+ Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau.

+ Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử...

3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

- Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hóa gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

 21 |  0